

Số: 4601/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bảng kiểm tra
Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BYT ngày 25/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống HIV/AIDS thuộc Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng kiểm tra Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố”.

Điều 2. Giao Cục Phòng, chống HIV/AIDS hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả kiểm tra các Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 3281/QĐ-BYT ngày 11/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bảng kiểm tra Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, AIDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Long

BỘ Y TẾ

BẢNG KIỂM TRA
TRUNG TÂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4601 /QĐ-BYT,
ngày 06 tháng 11 năm 2014) của Bộ trưởng Bộ Y tế

Tên đơn vị.....

Địa chỉ (đường phố, xã, phường, thị trấn).....

.....

Quận/huyện.....

Tỉnh/thành phố.....

Ngày tháng năm 201...

Giám đốc đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ:

1. Tên đơn vị:.....
2. Số điện thoại: Fax:
3. Họ và tên Giám đốc đơn vị:.....
Số điện thoại.....Di động.....Email.....
4. Địa chỉ của đơn vị (đường phố, xã/ phường/ thị trấn).....
.....
Quận/huyện/thị xã.....
Tỉnh/thành phố.....
5. Hạng đơn vị (chọn 1 trong 5):

| | | | |
|-------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| 1. Hạng I | <input type="checkbox"/> | 4. Hạng IV | <input type="checkbox"/> |
| 2. Hạng II | <input type="checkbox"/> | 5. Chưa phân hạng | <input type="checkbox"/> |
| 3. Hạng III | <input type="checkbox"/> | | |
6. Tổng số huyện/quận/thị xã
7. Tổng số xã/phường/thị trấn
8. Dân sốngười
9. Diện tích tự nhiênkm²
10. Tình hình dịch HIV/AIDS của tỉnh (tính tại thời điểm kiểm tra):
 - Lũy tích số người nhiễm HIV:
 - Lũy tích số tử vong do AIDS:
 - Tổng số người nhiễm HIV còn sống:
 - Tổng số người nhiễm HIV đang điều trị ARV:
 - Tỷ lệ nhiễm/100.000 dân:
 - Tổng số quận/huyện có người nhiễm HIV:
 - Tổng số xã/phường có người nhiễm HIV:

II. THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA ĐƠN VỊ:

| Phân loại cán bộ , viên chức, công chức | Biên chế (BC) | Hợp đồng (HD) | Tổng số | Trong đó Nhận mới trong năm bao gồm cả BC, HD |
|---|---|---|---|---|
| a) Cán bộ Y (CBCM) - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Chuyên khoa I - Bác sĩ - Cử nhân YTCC - Cao đẳng - Y sĩ - Điều dưỡng các loại | | | | |
| b) Cán bộ Dược (CBCM) - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Chuyên khoa I - Dược sĩ đại học - Dược sĩ trung học - Sơ cấp dược | | | | |
| c) Cán bộ ngành khác - Tiến sĩ - Thạc sĩ - Cử nhân - Cao đẳng - Trung học - Sơ cấp | | | | |
| d) Kỹ thuật viên các loại - Thạc sĩ - Cử nhân - Cao đẳng - Trung học - Sơ cấp | | | | |
| Cộng: | | | | |

III. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH:

1. Tổng các khoản thu (Số liệu báo cáo cho năm trước và năm tại thời điểm giám sát):

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Kinh phí bằng tiền | Kinh phí hiện vật (quy đổi thành tiền) | | | | Tổng cộng |
|------------|----------------------------------|--------------------|--|-----------------|-------------------------------|---------------|-----------|
| | | | Thuốc ARV | Thuốc Methadone | Sinh phẩm xét nghiệm HIV, CD4 | Vật phẩm khác | |
| I | Tổng ngân sách trung ương | | | | | | |
| 1 | Đầu tư phát triển | | | | | | |
| 2 | Kinh phí sự nghiệp | | | | | | |
| 3 | Kinh phí viện trợ | | | | | | |
| II | Tổng ngân sách địa phương | | | | | | |
| 1 | Đầu tư phát triển | | | | | | |
| 2 | Kinh phí sự nghiệp | | | | | | |
| 3 | Kinh phí viện trợ trực tiếp | | | | | | |
| III | Thu phí dịch vụ | | | | | | |
| IV | Khác (bảo hiểm...) | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | |

2. Tỷ lệ giải ngân kinh phí bằng tiền theo các nguồn

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Tỷ lệ giải ngân năm trước | Tỷ lệ giải ngân năm nay |
|------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| I | Tổng ngân sách trung ương | | |
| 1 | Đầu tư phát triển | | |
| 2 | Kinh phí sự nghiệp | | |
| 3 | Kinh phí viện trợ | | |
| II | Tổng ngân sách địa phương | | |
| 1 | Đầu tư phát triển | | |
| 2 | Kinh phí sự nghiệp | | |
| 3 | Kinh phí viện trợ trực tiếp | | |
| III | Thu phí dịch vụ | | |
| IV | Khác (bảo hiểm...) | | |
| | Tổng cộng | | |

PHẦN B: TIÊU CHUẨN KIỂM TRA VÀ THANG ĐIỂM

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

10 điểm

| STT | Nội dung | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm kiểm tra |
|-----|--|--------------------------------|--------------|---------------|
| 1. | <p>Đơn vị có hệ thống nhà xây cấp I và cấp II kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo đầy đủ chuyên hoạt động hợp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo. - Không đáp ứng tiêu chuẩn trên. <p><i>* Nhà cấp I và cấp II là nhà tầng và nhà mái bằng.</i></p> <p><i>* Bố trí các khu vực liên hoàn về xây dựng cơ sở hạ tầng, thuận tiện cho các hoạt động chuyên môn: Khối hành chính, khối các khoa chuyên môn và kho bảo quản vật tư, thuốc.</i></p> | <p>1</p> <p>1 0</p> | | |
| 2. | <p>Các khu nhà đảm bảo vệ sinh, sạch đẹp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không dột, không thấm nước, không bị mốc, không mùi hôi. - Quét sơn hoặc vôi sạch. <p><i>* Tối thiểu phải đạt được khối hành chính, các khoa phòng chuyên môn, khu xét nghiệm phải đảm bảo yêu cầu trên.</i></p> | <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> | | |
| 3. | <p>Có môi trường cây xanh cảnh quan tốt, có hàng rào ngăn cách, cổng xây, có hệ thống cống rãnh thoát nước tốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có và đạt tiêu chuẩn trên. - Không. <p><i>* Quan sát, kiểm tra thực tế tại đơn vị</i></p> | <p>1</p> <p>1 0</p> | | |
| 4. | <p>Có trang thiết bị phòng cháy - chữa cháy, nhân viên thành thạo cách sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trang thiết bị phòng cháy - chữa cháy. - Nhân viên sử dụng thành thạo. <p><i>* Kiểm việc lưu trữ các văn bản quy định, hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy; các biên bản kiểm tra định kỳ của đơn vị, cơ quan phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra ngẫu nhiên thao tác của một số cán bộ như bảo vệ, cán bộ các khoa phòng về vận hành trang thiết bị, quy định phòng cháy, chữa cháy.</i></p> | <p>1</p> <p>0,5 0,5</p> | | |
| 5. | <p>Có kho bảo quản thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị theo đúng qui định hiện hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có. - Không có. <p><i>* Quan sát, kiểm tra thực tế tại đơn vị</i></p> | <p>1</p> <p>1 0</p> | | |

| | | | | |
|-------------|--|-------|-------|-------|
| 6. | Có hệ thống chất thải lỏng, rắn hoặc hợp đồng với cơ quan môi trường đô thị xử lý và tiêu hủy - Hệ thống hoàn chỉnh, hoạt động tốt/ Có hợp đồng với cơ quan môi trường đô thị xử lý và tiêu hủy. - Có hệ thống, có hoạt động nhưng chưa thường xuyên. - Có hệ thống nhưng không hoạt động hoặc không có. <i>* Kiểm tra việc lưu trữ các văn bản pháp quy liên quan đến hệ thống xử lý chất thải; các biên bản kiểm tra đầu ra chất thải của cơ quan kiểm định môi trường; kiểm tra việc vận hành thực tế</i> | 1 | | |
| | | 1 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | 0 | | |
| 7. | Đảm bảo các điều kiện của phòng xét nghiệm 7.1. Đối với phòng xét nghiệm sàng lọc (Chưa được phép khẳng định HIV dương tính). - Khu xét nghiệm riêng biệt, phòng tường lát gạch men, sàn gạch men, thoáng sạch sẽ có chỗ thoáng nước, bàn xét nghiệm bằng gạch men hoặc inox, sử lý rác thải y tế theo quy định. - Trang thiết bị có tối thiểu: 01 ly tâm; 02 tủ lạnh: 01 tủ lạnh đựng sinh phẩm và 01 tủ lạnh đựng bệnh phẩm; 01 bộ pipet; 01 đồng hồ đo thời gian; Phương tiện phòng hộ cho nhân viên xét nghiệm: áo choàng dài tay, găng tay tiệt trùng, mũ, khẩu trang, xà phòng và các dung dịch sát trùng và xử trí tai nạn lao động như cồn iod, xà phòng. 7.2. Đối với phòng xét nghiệm khẳng định HIV dương tính xem xét các tiêu chí sau: - Duy trì đảm bảo các tiêu chuẩn của phòng xét nghiệm được phép khẳng định HIV dương tính theo quy định (<i>Xem quyết định công nhận của Bộ Y tế còn hiệu lực và biên bản kiểm tra giám sát định kỳ lần gần nhất</i>). | 2 | | |
| | | 1 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | 1 | | |
| | | 1 | | |
| 8. | Các trang thiết bị hoạt động và phát huy hiệu quả, được bảo dưỡng định kỳ, nhân viên sử dụng thành thạo - Các trang thiết bị hoạt động và phát huy hiệu quả. - Các thiết bị, máy móc được bảo dưỡng định kỳ. - Nhân viên sử dụng thành thạo. - Các trang thiết bị không hoạt động và phát huy được hiệu quả. - Các trang thiết bị không được bảo dưỡng định kỳ. - Nhân viên sử dụng không thành thạo. <i>* Kiểm tra lý lịch các thiết bị, máy móc, hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng máy. Kiểm tra thực tế hiểu biết và vận hành máy của một số nhân viên.</i> | 2 | | |
| | | 1 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | -0,5 | | |
| | | -0,5 | | |
| | | -0,5 | | |
| | | -0,5 | | |
| Cộng | | | | |

II. TỔ CHỨC CÁN BỘ

10 điểm

| | | | | |
|-----|--|--|--|--|
| 9. | Thành lập các khoa, phòng theo quy định (Thiếu 1 khoa/ phòng trừ 0,5 điểm) <i>* Kiểm tra các văn bản có liên quan.</i> | 2 | | |
| 10. | Xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. - Đã xây dựng Đề án, đã trình và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Đã xây dựng Đề án, đã trình nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Đã xây dựng Đề án nhưng chưa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Chưa xây dựng Đề án. <i>* Kiểm tra Đề án, văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền.</i> | 2 2 1,5 1 0 | | |
| 11. | Giám đốc và các Phó giám đốc: 1.1. 100% có trình độ đại học, trong đó trên 50% có trình độ sau đại học - 100% có trình độ đại học, trong đó 30% có trình độ sau đại học - 100% có trình độ đại học - < 100% có trình độ đại học 1.2. Từ 50% trở lên có chứng chỉ quản lý hành chính - Dưới 50% có chứng chỉ quản lý hành chính 1.3. Từ 50% trở lên ngoại ngữ trình độ C trở lên, còn lại là B - Dưới 50% ngoại ngữ trình độ C trở lên, còn lại là trình độ B <i>* Kiểm tra danh sách tổng hợp CBVC của Phòng TCHC kèm theo bản sao các bằng cấp, chứng chỉ</i> | 2 1 0,75 0,5 0 0,5 0,25 0,5 0,25 | | |

| | | | | |
|-----|--|-------|-------|-------|
| 12 | Các Trưởng khoa, phòng và Phó trưởng khoa, phòng: - 100% có trình độ đại học, trong đó trên 20% có trình độ sau đại học; - 100% có trình độ đại học - 60 - 80% có trình độ đại học, còn lại là trung học - 50 - < 60% có trình độ đại học, còn lại là trung học - < 50% có trình độ đại học, còn lại là trung học <i>* Kiểm tra danh sách tổng hợp CBVC của Phòng TCHC kèm theo bản sao các bằng cấp, chứng chỉ</i> | 2 | | |
| | | 2 | | |
| | | 1,5 | | |
| | | 1 | | |
| | | 0,5 | | |
| | | 0 | | |
| 13. | Cơ cấu lao động: Tỷ lệ cán bộ chuyên môn/ lao động khác (Cán bộ chuyên môn: Y, dược, Y tế công cộng, kỹ thuật viên các loại, điều dưỡng, CN sinh học; còn lại là lao động khác) - 60 - 80%. - 40 - 59%. - <40%. <i>* Kiểm tra danh sách tổng hợp cán bộ của Phòng TCHC kèm theo bản sao các bằng cấp, chứng chỉ</i> | 2 | | |
| | | 2 | | |
| | | 1 | | |
| | | 0 | | |
| | Cộng | | | |

III. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH:

10 điểm

| | | | | |
|-----|---|---------------------------------------|--|--|
| 14. | Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS theo mẫu và được cấp có thẩm quyền phê duyệt - Có - Không | 0,5 0,5 0 | | |
| 15. | Ký hợp đồng trách nhiệm với các ban, ngành, quận, huyện và các đơn vị triển khai không (bao gồm giao chỉ tiêu kế hoạch năm và giao hoạt động, ngân sách chương trình) - Có. - Không. | 1 1 0 | | |
| 16. | Ban hành văn bản chỉ đạo và chuyển văn bản hướng dẫn chuyên môn cho cơ sở - Có. - Không. | 1 1 0 | | |
| 17. | Công tác Báo cáo đánh giá hoạt động năm, báo cáo và triển khai kế hoạch năm - Có lưu các Báo cáo gửi Trung ương, có lưu các báo cáo từ các quận, huyện, cơ sở gửi lên. Số liệu báo cáo được tổng hợp từ số liệu của các cơ sở, quận, huyện. - Có báo cáo nhưng chưa đầy đủ như ý trên. - Không có báo cáo. | 1 1 0,5 0 | | |
| 18. | Quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách của nhà nước, phí, lệ phí, viện trợ... theo đúng quy định của nhà nước - Có phê duyệt quyết toán của Sở Tài chính hoặc Ban Quản lý dự án Trung ương (đối với nguồn viện trợ) không? + Có. + Không. - Có chỉ tiêu theo đúng mục tiêu và kế hoạch hoạt động hay không? + Có. + Không. <i>* Kiểm tra văn bản liên quan đến quản lý sử dụng nguồn ngân sách. Biên bản kiểm toán (nếu có). Hỏi nhân viên làm nghiệp vụ về việc hiểu biết các văn bản đó. Kiểm tra trên sổ sách thực tế.</i> | 1 0,5 0 0,5 0 | | |

| | | | | |
|-----|--|------|--|--|
| 19. | Kết quả giải ngân tính đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo: | 1 | | |
| | - 90 - 100% tổng ngân sách đơn vị được nhận trong năm. | 1 | | |
| | - 70 - 90% tổng ngân sách đơn vị được nhận trong năm. | 0,75 | | |
| | - 50 - 70% tổng ngân sách đơn vị được nhận trong năm. | 0,5 | | |
| | - <50% tổng ngân sách đơn vị được nhận trong năm. <i>* Dựa vào báo cáo giải ngân của năm trước</i> | 0 | | |
| 20. | Tài sản, thiết bị máy móc có được quản lý đúng quy định: | 1 | | |
| | - Có biên bản kiểm kê tài sản, có giao tài sản cho từng cá nhân quản lý. | 0,25 | | |
| | - Có hạch toán tăng, giảm nguồn tài sản trong báo cáo tài chính hàng năm. | 0,25 | | |
| | - Có dán mác, nhãn tài sản trong đơn vị | 0,25 | | |
| | - Có Quy trình quản lý tài sản <i>* Nếu nội dung nào có sai sót thì cho 0 điểm nội dung đó</i> | 0,25 | | |
| 21. | Sử dụng vật tư, tài sản dựa trên định mức và tiết kiệm: | 1,5 | | |
| | 1. Đơn vị có Quy chế chi tiêu nội bộ không? | | | |
| | - Có. | 0,25 | | |
| | - Không. | 0 | | |
| | 2. Có Quy trình thanh toán các nguồn kinh phí tại đơn vị không? | | | |
| | - Có. | 0,25 | | |
| | - Không. | 0 | | |
| | 3. Đơn vị có xây dựng định mức vật tư tiêu hao cho các khoa, phòng và cấp phát sử dụng dựa trên định mức | | | |
| | - Có. | 0,25 | | |
| | - Không đầy đủ. | 0 | | |
| | 4. Có các biện pháp chống lãng phí và thực hành tiết kiệm | | | |
| | - Có. | 0,25 | | |
| | - Không đầy đủ. | 0 | | |
| | 5. Quản lý thuốc, Methadone, sinh phẩm, bao cao su, bơm kim tiêm | 0,5 | | |
| | - Biên bản thẩm tra quyết toán của cơ quan tài chính cấp trên. | 0,25 | | |
| | - Biên bản kiểm tra quyết toán của các cơ sở trên địa bàn. | 0,25 | | |
| | <i>* Kiểm tra xem sổ sách xây dựng định mức của đơn vị, các văn bản liên quan.</i> | | | |

| | | | | |
|-----|--|-------|-------|-------|
| 22. | Công tác đảm bảo tài chính tại địa phương: | 2 | | |
| | - Tổ chức hội nghị, hội thảo về vận động nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS. | 1 | | |
| | - Hoàn thành kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo tài chính | 1 | | |
| | + UBND phê duyệt. | 0,25 | | |
| | + Thông qua Nghị quyết Hội đồng nhân dân. | 0,25 | | |
| 23. | + Phân bổ kinh phí tăng hàng năm tại địa phương (Ngân sách địa phương tăng 10% hàng năm). | 0,5 | | |
| | <i>* Kiểm tra so sánh đối chiếu với, số liệu năm trước</i> | | | |
| | * ĐIỂM TRỪ: | | | |
| | 1. Sai phạm về quản lý, sử dụng kinh phí làm thất thoát ngân sách nhà nước, có kết luận của thanh tra. | - 5 | | |
| | <i>Xem có quyết định của các cấp có thẩm quyền sẽ bị trừ điểm</i> | | | |
| | 2. Thu phí không đúng với quy định tại Thông tư 232/2009/TT-BTC và các quy định về thu dịch vụ | - 1 | | |
| | <i>* Kiểm tra có bảng giá niêm yết công khai đặt ở nơi dễ nhìn, dễ đọc và chứng từ hoá đơn.</i> | | | |
| | * ĐIỂM CỘNG: | | | |
| | Quyết toán ngân sách đúng thời hạn | + 1 | | |
| | Cộng | | | |

IV. CÔNG TÁC TƯ VẤN XÉT NGHIỆM VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM

7 điểm

| | | | | |
|-------|--|-----|--|--|
| 24. | Công tác tư vấn xét nghiệm | 4,5 | | |
| 24.1. | <p>Thực hiện theo quy định</p> <p>1. Các phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện (VCT) do Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS quản lý (kể cả dự án) được Sở Y tế thành lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 647/QĐ – BYT ngày 22/2/2007 do Bộ Y tế ban hành đạt các tiêu chuẩn sau: (mỗi tiêu chuẩn 0,25 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Về nhân sự: Được bố trí theo quy định . 0,25 – Trang thiết bị và tài liệu của phòng VCT đầy đủ (lịch tư vấn, tài liệu truyền thông, quy trình tư vấn, dụng cụ trực quan). 0,25 – Sổ sách ghi chép đầy đủ (Sổ tư vấn, sổ xét nghiệm, phiếu thu thập thông tin, phiếu đồng ý xét nghiệm, phiếu giới thiệu chuyển tuyến). 0,25 <p><i>* Kiểm tra Quyết định phê duyệt thành lập phòng VCT. Kiểm tra xác suất một phòng VCT trên địa bàn.</i></p> <p>2. Phân bố phòng VCT trên địa bàn hợp lý. 0,25</p> <p><i>* Kiểm tra bảng ma trận tổng hợp các điểm cung cấp dịch vụ của tỉnh được báo cáo trong các báo cáo tổng kết lập kế hoạch chương trình phòng, chống HIV/AIDS hàng năm (ví dụ huyện không trọng điểm nhưng đặt 02 phòng VCT, hoặc 02 phòng VCT đặt ngay cạnh nhau, không đảm bảo tính dễ kết nối giữa các điểm cung cấp dịch vụ).</i></p> <p>3. Có triển khai hoạt động kiểm tra giám sát tăng cường chất lượng hàng năm. 0,25</p> <p><i>* Kiểm tra biên bản kiểm tra giám sát.</i></p> <p>4. Có sử dụng phần mềm Preven trong quản lý số liệu phòng VCT của tỉnh. 0,25</p> | 1,5 | | |
| 24.2. | <p>Kết quả đạt được so với chỉ tiêu cam kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt $\geq 90\%$ so với chỉ tiêu. 1 - Đạt 60% - <90% so với chỉ tiêu. 0,5 - Dưới 60% so với chỉ tiêu. 0 <p><i>* Kiểm tra báo cáo hoạt động của cơ sở gửi Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tổng hợp.</i></p> | 1 | | |

| | | | | |
|-------|---|--|-------|-------|
| 24.3. | Chất lượng hoạt động: Tỷ lệ khách hàng xét nghiệm và quay trở lại được tư vấn sau xét nghiệm > 90%: <ul style="list-style-type: none"> – ở 100% cơ sở trên địa bàn quản lý. – ở 80-100% cơ sở trên địa bàn quản lý. – < 80% cơ sở trên địa bàn quản lý. <i>* Kiểm tra báo cáo từ các tuyến và báo cáo tổng hợp của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh/thành phố.</i> | 1 1 0,5 0 | | |
| 24.4. | Tỷ lệ khách hàng dương tính được chuyển gửi thành công đến dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV/AIDS <ul style="list-style-type: none"> - Đạt ≥ 90 %. - Đạt 50% - <90% so với chỉ tiêu. - Dưới 50% so với chỉ tiêu. <i>* Kiểm tra báo cáo chuyển gửi của phòng VCT.</i> | 1 1 0,5 0 | | |
| 25. | Đảm bảo các điều kiện về quản lý chất lượng xét nghiệm | 2,5 | | |
| | Đảm bảo các điều kiện về quản lý chất lượng Gồm có 5 tiêu chí đánh giá sau, cho điểm theo từng tiêu chí: <ul style="list-style-type: none"> – Có đầy đủ các quy trình xét nghiệm (S.O.P) (PP đánh giá: <i>*Xem bản S.O.P của Phòng XN</i>) – Tham gia vào chương trình ngoại kiểm theo quy định của các đơn vị cung cấp ngoại kiểm (Phương pháp đánh giá: <i>*Xem bản trả lời kết quả của ngoại kiểm của Viện</i>); – Thực hiện lưu sơ đồ xét nghiệm 3 năm kể từ ngày làm xét nghiệm với phòng sàng lọc và 5 năm với phòng khẳng định (Phương pháp đánh giá: <i>*Xem bản lưu sơ đồ xét nghiệm - bản đọc</i>); – Thực hiện lưu mẫu nghi ngờ và dương tính 2 năm kể từ ngày lấy mẫu (<i>*Xem sổ lưu mẫu và hỏi kiểm tra chéo 5 mẫu lưu bất kỳ</i>); – Có sổ lưu trữ kết quả xét nghiệm theo đúng quy định tại Quyết định 868/QĐ-BYT ngày 29/3/2005 của Bộ Y tế (Phương pháp đánh giá: <i>*So sánh sổ ghi chép tại phòng xét nghiệm và các mẫu sổ theo quy định của QĐ 868/QĐ - BHYT hoặc xem các biên bản kiểm tra</i>). - Đạt yêu cầu các cuộc kiểm tra, giám sát hoạt động xét nghiệm định kỳ (xem biên bản kiểm tra). | 0,5 0,5 0,25 0,25 0,5 0,5 | | |
| | Cộng | | | |

V. CÔNG TÁC CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV 12 điểm

| | | | | |
|-----|--|---|-------|-------|
| 26. | Chương trình bao cao su: - Thực hiện chỉ tiêu chương trình (tính số người nữ bán dâm được tiếp cận) + Đạt 80% - 100%. + Đạt 60% - <80%. + Đạt 40% - < 60%. + Đạt <40%. - Không triển khai chương trình theo kế hoạch năm. <i>*Kiểm tra kế hoạch, báo cáo hoạt động</i> | 3 0 | | |
| 27. | Chương trình Bơm kim tiêm: - Thực hiện chỉ tiêu chương trình theo kế hoạch năm (tính số người nghiện chích ma túy được tiếp cận) + Đạt 80 – 100%. + Đạt 60% - <80%. + Đạt 40% - < 60%. + Đạt <40%. - Không triển khai chương trình theo kế hoạch năm. <i>*Kiểm tra kế hoạch, báo cáo hoạt động</i> | 4 0 | | |
| 28. | Chương trình Điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone Thực hiện chỉ tiêu bệnh nhân được điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone (tính số người điều trị methadone) + Đạt 100%. + Đạt 80% - <100%. + Đạt 50% - <80%. + Dưới 50% (điểm trừ). <i>*Kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ trong 2 năm 2014, 2015 và văn bản tương tự cho những năm tiếp theo ; kiểm tra báo cáo hoạt động.</i> | 5 -2 | | |
| | Cộng | | | |

VI. CÔNG TÁC ĐIỀU TRỊ, CHĂM SÓC HIV/AIDS VÀ DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON

12 điểm

| | | | | |
|------|--|-----------|--|--|
| 29. | Triển khai và thực hiện chương trình điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con | 10 | | |
| 29.1 | <p>Triển khai chương trình: điều trị và chăm sóc HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh/thành phố (người lớn và trẻ em):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều trị ARV người lớn. 0,5 - Điều trị ARV trẻ em. 0,5 - Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con (DPLTMC): <ul style="list-style-type: none"> + Có cung cấp dịch vụ điều trị DPLTMC 0,5 + Có triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Tháng Cao điểm DPLTMC. 0,5 - Có triển khai chương trình phát hiện nhiễm HIV cho trẻ dưới 18 tháng tuổi (EID). 0,5 - Chăm sóc tại nhà và cộng đồng. 0,5 - Có triển khai chương trình Lao/HIV. 0,5 - Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp. 0,5 | 4 | | |
| 29.2 | <p>Thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn về điều trị và chăm sóc HIV/AIDS:</p> <p>a. Tỷ lệ % số bệnh nhân HIV đang được đăng ký chăm sóc điều trị tại OPC/ Số bệnh nhân HIV/AIDS còn sống được báo cáo trên địa bàn tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 80 - 100%. 1 - Đạt 60 - 80%. 0,5 - Đạt 50 - 60%. 0 - Đạt < 50% (điểm trừ). - 0,5 | 6 | | |

| | | | | |
|---|---|-------|--|--|
| | b. Tỷ lệ % số bệnh nhân đang được điều trị ARV/ Số bệnh nhân đang được đăng ký chăm sóc điều trị tại OPC | | | |
| | - Đạt 90 - 100%. | 1 | | |
| | - Đạt 70 - 89%. | 0,5 | | |
| | - Đạt 50 - 69%. | 0 | | |
| | - Dưới 50% (điểm trừ). | - 0,5 | | |
| | c. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm và HIV và nhận kết quả/ Chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm: | | | |
| | - Đạt 90 - 100%. | 1 | | |
| | - Đạt 80 - 89%. | 0,5 | | |
| | - Đạt 70 - 79%. | 0 | | |
| | - Đạt < 70% (điểm trừ). | -0,5 | | |
| | d. Tỷ lệ bà mẹ mang thai nhiễm HIV được điều trị DPLTMC/ Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV: | | | |
| | - Đạt 95 - 100%. | 1 | | |
| | - Đạt 85 - 94%. | 0,5 | | |
| | - Đạt 75 - 84%. | 0 | | |
| | - Đạt < 75% (điểm trừ). | -0,5 | | |
| | e. Tỷ lệ trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị DPLTMC/ Số trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV: | | | |
| | - Đạt 95 - 100%. | 1 | | |
| | - Đạt 85 - 94%. | 0,5 | | |
| | - Đạt 75 - 84%. | 0 | | |
| | - Đạt < 75% (điểm trừ). | -0,5 | | |
| | f. Tỷ lệ số phòng khám ngoại trú OPC thực hiện cải thiện chất lượng/ Tổng số phòng khám ngoại trú trên địa bàn tỉnh | | | |
| | - Đạt 70 - 100%. | 1 | | |
| | - Đạt 60 - 69%. | 0,5 | | |
| | - Đạt 50 - 59%. | 0 | | |
| | - Đạt < 50% (điểm trừ). | -0,5 | | |
| * Xem kế hoạch hoạt động và báo cáo hoạt động năm | | | | |

| | | | | |
|-----|--|---|-------|-------|
| 30. | <p>Tổ chức thực hiện kết nối dịch vụ điều trị và chăm sóc HIV/AIDS với các chương trình có liên quan (VCT, DPLTMC, Lao/HIV, DV chăm sóc tại cộng đồng, methadone...).</p> <p>a. Có văn bản chỉ đạo các đơn vị trên địa bàn.</p> <p>b. Tổ chức thực hiện kết nối dịch vụ.</p> <p>c. Có thực hiện giao ban định kỳ.</p> <p><i>* Kiểm tra các văn bản, hướng dẫn và biên bản giao ban .</i></p> | <p>2</p> <p>0,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> | | |
| | Cộng | | | |

VII. CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

09 điểm

| | | | | |
|-----|---|--------------------------------|---|--|
| 31. | Phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh để truyền thông Phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chuyên mục riêng. - Không có chuyên mục riêng nhưng có lồng ghép, phối hợp truyền thông. - Không thể hiện sự phối hợp. <i>* Kiểm báo cáo, hợp đồng</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 32. | Phối hợp với báo in của tỉnh để truyền thông Phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chuyên mục riêng. - Không có chuyên mục riêng nhưng có lồng ghép, phối hợp truyền thông. - Không thể hiện sự phối hợp. <i>* Kiểm báo cáo, hợp đồng</i> | 1 1 0,5 - 0,5 | . | |
| 33. | Phối hợp với Trung tâm Truyền thông – Giáo dục sức khỏe tỉnh tổ chức truyền thông phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Có phối hợp tốt. - Có nhưng chưa tốt. - Không/ chưa phối hợp. <i>* Kiểm tra báo cáo, hợp đồng</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 34. | Triển khai phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”: <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tối thiểu từ 50% xã phường trở lên. - Dưới 50%. - Không triển khai. <i>* Có kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 35. | Phối hợp với các sở, ban ngành đoàn thể triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp đồng trách nhiệm và phối hợp tốt (tối thiểu 5 đơn vị trở lên). - Có hợp đồng trách nhiệm nhưng còn hạn chế. - Không có hợp đồng trách nhiệm, phối hợp, triển khai. <i>* Xem kế hoạch, chương trình phối hợp, báo cáo kết quả</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |

| | | | | |
|-----|--|---|-------|-------|
| 36. | Tổ chức giao ban hàng quý với các cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách của các Sở, ban, ngành đoàn thể, huyện, thị về công tác phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Điều hàng quý. - Không điều. - Không thực hiện. <i>* Có kế hoạch, chương trình gặp mặt, giấy mời</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 37. | Có kế hoạch và tổ chức các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc và tổ chức hoạt động phòng, chống HIV/AIDS cho các nhóm dân cư theo đặc thù của từng địa phương (về phòng, chống HIV/AIDS qua đường biên giới, cho ngư dân, dân di biến động...) <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai toàn diện. - Có, nhưng không toàn diện hoặc mang tính mô hình/điểm. - Không triển khai. <i>* Có kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 38. | Tổ chức Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 90-100% các xã/phường. - Từ 70-89% các xã/phường. - Từ 50-69% các xã/phường. - Từ 10% - 50% các xã/phường. - Dưới 10% các xã/phường. <i>* Có kế hoạch, văn bản chỉ đạo các Sở, ban ngành, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc ngành y tế triển khai, có báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động</i> | 1 1 0,75 0,5 0,25 -0,5 | | |
| 39. | Tổ chức biên soạn và nhân bản các tài liệu truyền thông phòng, chống HIV/AIDS: <ul style="list-style-type: none"> - Có phát triển mới ít nhất 2 loại tài liệu trở lên. - Chỉ phát triển mới 1 loại hoặc nhân bản. - Không thực hiện. <i>* Có kế hoạch sản xuất và phân phối tài liệu</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| | Cộng | | | |

VIII. CÔNG TÁC GIÁM SÁT:

14 điểm

| | | | | |
|-------|--|---|--|--|
| 40. | Hoạt động giám sát dịch | 3 | | |
| 40.1. | <p>Thực hiện theo đúng quy định của Thường quy giám sát HIV ở Việt Nam bao gồm các nội dung sau:</p> <p>A1. Yêu cầu với tỉnh chỉ thực hiện giám sát phát hiện đảm bảo 4 mục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh sách người nhiễm được quản lý bằng mềm HIV info. 0,5 Báo cáo theo quy định của Thông tư 09/2012/TT-BYT ngày 24/5/2012 của Bộ Y tế : đầy đủ về biểu mẫu, thông tin, thời hạn báo cáo. 0,5 <p><i>* Đề nghị cán bộ giám sát phân tích phần mềm từng tháng và đối chiếu với báo cáo tháng gửi Cục PC HIV/AIDS, xem cụ thể báo cáo 12 tháng trong năm.</i></p> <p>A2. Yêu cầu với tỉnh có thực hiện thêm giám sát trọng điểm: 1</p> <p>Thực hiện đúng và đủ về giám sát trọng điểm: (Mỗi mục 0,25 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Có kế hoạch giám sát trọng điểm, phương pháp thực hiện đúng theo hướng dẫn (Nhóm đối tượng; cỡ mẫu; địa điểm lấy mẫu). 0,25 Tiến độ thực hiện đúng thời gian (Từ tháng 6-9, riêng tân binh là tháng 12). 0,25 Báo cáo kết quả đúng thời gian quy định. 0,25 Đảm bảo đủ cỡ mẫu theo kế hoạch. 0,25 <p><i>* Xem xét kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện giám sát trọng điểm, biên bản kiểm tra hàng năm (nếu có).</i></p> | 2 | | |
| 40.2. | <p>Kết quả thực hiện chỉ tiêu:</p> <p>Kết quả thực hiện chỉ tiêu giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện (căn cứ vào chỉ tiêu được giao hàng năm)</p> <ul style="list-style-type: none"> Đạt $\geq 100\%$. 1 Đạt 80 - <100%. 0,5 < 80 %. 0 <p><i>* Xem báo cáo biểu mẫu xét nghiệm – biểu mẫu 1 *.</i></p> | 1 | | |

| | | | | |
|-------|--|--|--|--|
| 41. | Hoạt động Theo dõi, đánh giá chương trình | 4 | | |
| 41.1. | <p>Thực hiện theo quy định:</p> <p><i>Đánh giá 3 tiêu chí sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 28/2008/QĐ – BYT ngày 14/8/2008 của Bộ Y tế (<i>Đúng biểu mẫu, đúng thời gian, đủ các tuyến</i>). – Thực hiện đúng quy định của Quyết định số 56/QĐ – BYT ngày 10/01/2007 của Bộ Y tế (Thành lập đơn vị Theo dõi, giám sát, đánh giá tại tuyến tỉnh) – Có giám sát kiểm tra việc thu thập quản lý và báo cáo số liệu theo dõi, đánh giá chương trình định kỳ hàng năm. <p><i>* Chức năng nhiệm vụ, xem xét các biểu mẫu báo cáo và biên bản kiểm tra định kỳ.</i></p> | <p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> | | |
| 41.2. | <p>Kết quả hoạt động:</p> <p>Số liệu báo cáo đầy đủ các biểu, các quý, các đơn vị và các tuyến.</p> <p><i>* Kiểm tra xác xuất một quý trong năm và các báo cáo của các tuyến dưới báo cáo lên tỉnh của quý đó. Số liệu được báo cáo và cập nhật bằng phần mềm reporting online</i></p> <p><i>* Đề nghị cán bộ phụ trách số liệu trình diễn quá trình nhập, kết xuất và báo cáo số liệu.</i></p> | <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> | | |
| 41.3. | <p>Chất lượng hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu đảm bảo thống nhất tại tất cả các tuyến. - Số liệu đúng và đủ từ các sổ ghi chép báo tại các điểm cung cấp dịch vụ <p><i>* Kiểm tra xác suất một biểu và một tuyến (đối chiếu giữa số của tỉnh và số của huyện hoặc số liệu tại sổ ghi chép tại OPC hoặc VCT của tỉnh)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện việc kiểm tra thu thập số liệu tại tuyến huyện định kỳ hàng năm: <ul style="list-style-type: none"> • >70% số huyện được kiểm tra số liệu) • 50-70% số huyện • <50% số huyện <p><i>* Có biên bản kiểm tra số liệu với các huyện (chữ ký đoàn kiểm tra và chữ ký có dấu bên được kiểm tra)</i></p> | <p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0</p> | | |

| | | | | |
|-------|---|--|--|--|
| 42. | Kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống HIV/AIDS | 7 | | |
| 42.1. | Kiểm tra giám sát hoạt động, rà soát đối chiếu số liệu hàng năm giữa các tuyến. - Đạt trên 70% số huyện được rà soát số liệu dịch/ số huyện có người nhiễm - 50%-70% - <50% số huyện <i>* Kiểm tra công văn, báo cáo đi kiểm tra, giám sát.</i> | 1 1 0,5 0 | | |
| 42.2 | Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch tại cơ sở - Có - Không <i>* Kiểm tra công văn, báo cáo đi kiểm tra, giám sát.</i> | 1 1 0 | | |
| 42.3. | Kiểm tra, giám sát chương trình can thiệp giảm tác hại: Tuyến quận/huyện: - Thực hiện hàng quý - Thực hiện hàng năm - Không thực hiện Tuyến xã/phường: - Thực hiện hàng quý - Thực hiện hàng năm - Không thực hiện <i>* Kiểm tra công văn, báo cáo đi kiểm tra, giám sát.</i> | 2 1 0,5 0 1 0,5 0 | | |

| | | | | |
|-------|--|---|-------|-------|
| 42.4. | <p>Kiểm tra, giám sát , hỗ trợ kỹ thuật tại các cơ sở điều trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật định kỳ. - Thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra, giám sát định kỳ về công tác điều trị HIV/AIDS và quản lý thuốc cho tất cả các cơ sở điều trị trên địa bàn: <ul style="list-style-type: none"> + Tần suất 3 tháng/ lần. + Tần suất 6 tháng/ lần. + Tần suất 12 tháng/ lần. + Không thực hiện (điểm trừ) - Có thực hiện các khuyến cáo của đoàn kiểm tra. <p><i>* Các kế hoạch, công văn chỉ đạo, biên bản có liên quan, các khuyến cáo của biên bản kiểm tra lần trước.</i></p> | <p>2</p> <p>0,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>-0,5</p> <p>0,5</p> | | |
| 42.5. | <p>Tổ chức giám sát chuyên đề về truyền thông hoặc giám sát lồng ghép về truyền thông thay đổi hành vi tuyến huyện và xã phường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hàng tháng. - Thực hiện hàng quý. - Không quá ba lần/năm. - Không thực hiện <p><i>* Có kế hoạch, chương trình báo cáo kết quả</i></p> | <p>1</p> <p>1</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p> <p>-0,5</p> | | |
| | Cộng | | | |

IX. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

16 điểm

1. QUẢN LÝ ĐƠN VỊ:

3 điểm

| | | | | |
|-----|--|-----------------------|-------|-------|
| 43. | Quy chế làm việc của cơ quan - Có. - Có nhưng chưa đầy đủ. - Không có. <i>* Kiểm tra bản Quy chế làm việc do thủ trưởng cơ quan ký, ban hành</i> | 1 1 0,5 -0,5 | | |
| 44. | Công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động của trung tâm - Đạt. - Không đạt. <i>* Kiểm tra việc ghi chép sổ công văn đi, đến, việc lưu trữ văn bản hàng ngày, hệ thống mạng, điện thoại phục vụ cho hoạt động báo cáo, chỉ đạo, liên hệ công tác.</i> | 1 1 -0,5 | | |
| 45. | Thực hiện các chế độ chính sách, thi đua khen thưởng đối với các cán bộ của cơ quan - Đạt. - Không đạt. <i>* Kiểm tra việc thực hiện các chế độ phụ cấp, bảo hiểm, khen thưởng cho các cán bộ trong cơ quan</i> | 1 1 -0,5 | | |
| | Cộng | | | |

2. ĐÀO TẠO VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS
5 điểm

| | | | | |
|-----|--|--------------------------------------|--|--|
| 46. | Đào tạo nâng cao năng lực về truyền thông thay đổi hành vi trong phòng, chống HIV/AIDS - Có triển khai ở cả 3 tuyến (tỉnh, huyện và xã) - Có triển khai nhưng không đồng bộ - Không triển khai <i>* Kiểm tra kế hoạch, chương trình đào tạo, danh sách học viên, báo cáo kết quả đào tạo</i> | 1 1 0,5 0 | | |
| 47. | Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn triển khai các chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV <i>* Đối với các tỉnh có triển khai chương trình</i> - Có triển khai ở cả 3 tuyến (tỉnh, huyện và xã) - Có triển khai nhưng không đồng bộ - Không triển khai <i>* Đối với các tỉnh không triển khai chương trình</i> - Có tổ chức triển khai đào tạo can thiệp DPLN HIV - Không triển khai <i>* Kiểm tra kế hoạch, chương trình đào tạo, danh sách học viên, báo cáo kết quả đào tạo.</i> | 1 1 0,5 0 1 0 | | |
| 48. | Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn về chăm sóc, điều trị HIV/AIDS - Có triển khai ở cả 3 tuyến (tỉnh, huyện và xã). - Có triển khai nhưng không đồng bộ. - Không triển khai. <i>* Kiểm tra kế hoạch, chương trình đào tạo, danh sách học viên, báo cáo kết quả đào tạo.</i> | 1 1 0,5 0 | | |
| 49. | Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn về theo dõi, giám sát, đánh giá và xét nghiệm - Có triển khai ở cả 2 tuyến (tỉnh và huyện). - Có triển khai nhưng không đồng bộ. - Không triển khai. | 1 1 0,5 0 | | |

| | | | | |
|-----|---|------------------------|-------|-------|
| 50. | Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn về công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính - Có triển khai ở cả 2 tuyến (tỉnh và huyện). - Có triển khai nhưng không đồng bộ. - Không triển khai. | 1 1 0,5 0 | | |
| | Cộng | | | |

3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

3 điểm

| | | | | |
|-----|---|----------------------------|-------|-------|
| 51. | <p>Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp cơ sở</p> <p>- Có triển khai thực hiện đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên.</p> <p>- Không triển khai.</p> <p><i>* Kiểm tra quyết định phê duyệt và quyết định nghiệm thu đề tài NCKH, thuyết minh đề cương và báo cáo đề tài. Chỉ tính các đề tài đã được nghiệm thu và các đề tài đang triển khai đúng tiến độ.</i></p> | <p>2</p> <p>2</p> <p>0</p> | | |
| 52. | <p>Áp dụng các mô hình hiệu quả hoặc các kết quả nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước trong triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại địa phương</p> <p>- Có áp dụng.</p> <p>- Không áp dụng.</p> <p><i>* Kiểm tra các thông tin liên quan đến tài liệu gốc như mô hình hiệu quả, các bài báo khoa học liên quan đăng tải trong các tạp chí, Kỷ yếu hội nghị khoa học...</i></p> | <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> | | |
| | Cộng | | | |

4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI THUỐC, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ:
5 điểm

| | | | | |
|-----|--|--|-------|-------|
| 53. | <p>Có xây dựng kế hoạch năm về thuốc ARV, OI, methadone, sinh phẩm xét nghiệm cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch năm về thuốc ARV. - Có kế hoạch năm về thuốc OI. - Có kế hoạch năm về sinh phẩm xét nghiệm CD4. - Có kế hoạch năm về sinh phẩm xét nghiệm EID. - Có kế hoạch năm về sinh phẩm xét nghiệm đo tải lượng HIV. - Có kế hoạch năm về thuốc Methadone. | <p>2</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> | | |
| 54. | <p>Thực hiện điều phối thuốc, sinh phẩm xét nghiệm: tính nhu cầu thuốc định kỳ cho từng cơ sở, điều chuyển thuốc hết hạn, cận hạn...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện - Không thực hiện | <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> | | |
| 55. | <p>Chất lượng hoạt động: tính từ đầu năm đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xảy ra tình trạng thiếu thuốc, sinh phẩm xét nghiệm trên địa bàn tỉnh. - Có thực hiện luân chuyển thuốc, sinh phẩm xét nghiệm, điều trị DPLTMC nhằm hạn chế tối đa khả năng hết hạn sử dụng. - Không xảy ra tình trạng thất thoát thuốc, sinh phẩm xét nghiệm trên địa bàn tỉnh. - Có tình trạng thiếu, hư hỏng, hết hạn sử dụng, thất thoát thuốc hoặc sinh phẩm. <p><i>* Các báo cáo, biên bản kiểm tra có liên quan, công văn/ quyết định điều chuyển thuốc, sinh phẩm xét nghiệm; biên bản giao nhận thuốc, sinh phẩm xét nghiệm; sổ kiểm nhập, kiểm kê thuốc, sinh phẩm xét nghiệm thẻ kho....</i></p> | <p>2</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>-1</p> | | |
| | Cộng | | | |

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI KIỂM TRA TRUNG TÂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Mục đích kiểm tra:

- Đánh giá toàn diện hoạt động thực hiện công tác chuyên môn, cơ sở hạ tầng, hoạt động tài chính, nhân lực và đoàn thể của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS trong năm nhằm lựa chọn những Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS xuất sắc để bình xét thi đua khen thưởng hàng năm.

- Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh xác định được những mặt còn chưa làm tốt (nếu có) để đề ra biện pháp cải thiện, khắc phục và mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung kiểm tra:

2.1. Bảng kiểm tra Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS: Nội dung bảng kiểm tra được đăng tải trên Trang tin điện tử của Cục Phòng, chống HIV/AIDS. Yêu cầu các đơn vị chỉ sử dụng bản mềm này để nhập số liệu và báo cáo kết quả kiểm tra.

a) Phần A: Thông tin chung:

- Đơn vị tự báo cáo: Số liệu của năm kiểm tra được tính từ ngày 01/01 năm đó đến ngày 31/12 cùng năm (ước tính, ví dụ: lấy số liệu 9 tháng (3 quý) tính bình quân/1 quý để tính số liệu quý 4), số liệu so sánh với cùng kỳ năm trước được tính từ ngày 01/01 đến 31/12 của năm trước; yêu cầu phải điền đầy đủ các nội dung, mục nào không điền phải nêu rõ lý do.

- Trưởng phòng Tổ chức Hành chính của đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra và ký tên xác nhận (ký nháy tại cuối trang) về thông tin nhân lực.

- Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính của đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra và ký tên xác nhận (ký nháy tại cuối trang) về số liệu tài chính.

- Giám đốc đơn vị kiểm tra ký đóng dấu xác nhận trang đầu của Bảng kiểm tra.

b) Phần B: Bảng kiểm và thang điểm:

- Đối với những tiêu chuẩn cần thay thế, những tiêu chuẩn không kiểm tra và không tính điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoặc đặc thù của đơn vị phải ghi rõ vào biên bản tự chấm điểm của đơn vị và ghi rõ vào biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra cấp trên, đoàn kiểm tra chéo. Số điểm cho những tiêu chuẩn cần thay thế phải đúng bằng điểm cho tiêu chuẩn đó đã quy định tại bảng điểm, không được cao hơn. Điểm cho những tiêu chuẩn không kiểm tra và không tính điểm cho bằng 0 và tính quy đổi tổng số điểm đạt 100%.

2.2. Để chuẩn bị tốt cho việc tự chấm điểm của đơn vị, kiểm tra chéo, kiểm tra, phúc tra của cấp trên, tiết kiệm thời gian, bảo đảm chất lượng số liệu thông tin, báo cáo yêu cầu các đơn vị phải chuẩn bị tốt và đầy đủ các tài liệu, số liệu, báo cáo (gọi chung là bằng chứng) ở phần chữ in *nghiêng* ở mỗi tiêu chuẩn. Lãnh đạo các đơn vị cần giao nhiệm vụ cho các khoa, phòng liên quan đến bảng kiểm tra để chuẩn bị các nội dung (bằng chứng) phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá. Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận kết quả tự đánh giá cho điểm và chịu trách nhiệm về thông tin, báo cáo của đơn vị. Quá trình bình xét thi đua Bộ Y tế sẽ tính các yếu tố điền đầy đủ thông tin và báo cáo chính xác số liệu, báo cáo đúng thời gian gửi về Bộ Y tế để tổng hợp.

3. Cách tính điểm kiểm tra:

Điểm được chấm theo công thức sau:

$$\frac{A}{B-C} \times 100\%$$

Trong đó:

A: Tổng điểm được chấm cho các hoạt động bắt buộc phải thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

B: Tổng điểm tối đa của bảng kiểm

C: Điểm của những mục không phải thực hiện theo nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

4. Hình thức và tổ chức kiểm tra:

Trên cơ sở bảng kiểm của Bộ Y tế ban hành, công tác kiểm tra sẽ bao gồm:

4.1. Đơn vị tự kiểm tra:

- Thời gian các đơn vị tự kiểm tra: thực hiện vào cuối năm, trước khi có đoàn kiểm tra của Sở Y tế, đoàn kiểm tra chéo.

- Căn cứ vào bảng kiểm tra đã được Bộ Y tế phê duyệt, lãnh đạo Trung tâm giao các khoa, phòng chuẩn bị đầy đủ tài liệu, số liệu, báo cáo (bằng chứng) về việc thực hiện đối với từng nội dung kiểm tra để chuẩn bị cho việc tự kiểm tra của đơn vị.

- Đoàn kiểm tra của đơn vị do Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS ra quyết định thành lập, trưởng đoàn là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm, thư ký đoàn là cán bộ phòng Tổ chức Hành chính.

- Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra các khoa, phòng tương ứng với các nội dung nêu trong bảng kiểm tra.

- Để chuẩn bị cho công tác kiểm tra của cấp trên, kiểm tra chéo, đơn vị phải hoàn chỉnh đầy đủ các số liệu của phần A và các tài liệu, số liệu theo từng mục kiểm tra của phần B mà đơn vị đã đạt được trong năm. Trong báo cáo với các đoàn kiểm tra phải nêu rõ tổng số điểm chấm, điểm trừ và nội dung trừ, tổng số điểm đạt và phân loại kết quả tự kiểm tra.

4.2. Kiểm tra của Sở Y tế:

- Sở Y tế tổ chức kiểm tra đối với các Trung tâm thuộc tỉnh/thành phố (do Sở Y tế xây dựng kế hoạch và lịch làm việc cụ thể thông báo tới các Trung tâm kiểm tra). Đoàn kiểm tra của Sở Y tế do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập. Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện lãnh đạo Sở, chuyên viên phòng, ban của Sở và có thể mời đại diện các đơn vị khác của tỉnh tham gia. Lãnh đạo Sở Y tế làm trưởng đoàn, chuyên viên Sở Y tế làm thư ký đoàn.

4.3. Kiểm tra chéo:

- Hàng năm, Cục Phòng, chống HIV/AIDS sẽ phân công các tỉnh, thành phố kiểm tra chéo. Tỉnh được phân công đi kiểm tra có nhiệm vụ:

- + Xây dựng kế hoạch đi kiểm tra.

+ Thống nhất và gửi công văn tới tỉnh được kiểm tra về chương trình, thời gian, nội dung, thành phần đoàn kiểm tra.

+ Tổ chức đoàn kiểm tra.

+ Gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

- Thành phần Đoàn kiểm tra: 01 đồng chí Lãnh đạo Trung tâm và Trưởng các khoa, phòng.

- Thời gian kiểm tra chéo diễn ra vào tháng 11 hàng năm.

- Kinh phí cho hoạt động này sẽ do đơn vị được phân công đi kiểm tra tự chi trả.

4.4. Kiểm tra và phúc tra của Cục Phòng, chống HIV/AIDS:

- Cục Phòng, chống HIV/AIDS sẽ tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát việc kiểm tra chéo của một số tỉnh, thành phố.

- Cục sẽ tiến hành phúc tra khi nảy sinh các vấn đề không thống nhất giữa các đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra.

5. Quy trình kiểm tra/phúc tra:

5.1. Đoàn kiểm tra/phúc tra giới thiệu thành phần đoàn và thống nhất kế hoạch làm việc với đơn vị được kiểm tra/phúc tra.

5.2. Đơn vị được kiểm tra/phúc tra báo cáo tóm tắt hoạt động của đơn vị và kết quả tự kiểm tra.

5.3. Đoàn phân công nội dung kiểm tra/phúc tra cho các thành viên trong đoàn. Đơn vị cử các thành phần phù hợp để giúp việc kiểm tra/ phúc tra được thuận lợi và giải trình báo cáo theo yêu cầu của đoàn .

5.4. Đoàn họp với các thành viên để thư ký đoàn tổng hợp kết quả kiểm tra/phúc tra và ghi nhận xét.

5.5. Đoàn trao đổi trước với lãnh đạo đơn vị về kết quả kiểm tra/phúc tra và những nhận xét kiến nghị của đoàn .

5.6. Thư ký đoàn hoàn chỉnh biên bản kiểm tra/phúc tra, có đóng dấu, ký của lãnh đạo đơn vị, chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra/phúc tra và thư ký đoàn. Lập thành 2 bản mỗi bên giữ một bản.

5.7. Trưởng đoàn kiểm tra/phúc tra công bố kết quả kiểm tra/phúc tra tới các cán bộ chủ chốt của đơn vị hoặc toàn thể cán bộ công nhân viên chức đơn vị.

Yêu cầu các đoàn kiểm tra/phúc tra phải thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra/phúc tra bảo đảm chất lượng, khách quan, đầy đủ số liệu, thông tin. Tránh tình trạng kiểm tra, phúc tra đại khái, qua loa.

6. Báo cáo kết quả kiểm tra về Bộ Y tế:

Để đảm bảo thời gian cho việc tổng hợp và có số liệu đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra của năm, chuẩn bị cho dự thảo báo cáo tổng kết năm của Bộ Y tế về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS, ngay sau kiểm tra, các đơn vị phải hoàn chỉnh hồ sơ kết quả kiểm tra của đơn vị để báo cáo về Cục Phòng, chống HIV/AIDS, chậm nhất trước ngày 15/12 hàng năm.

7. Hồ sơ kết quả kiểm tra từng đơn vị gồm:

- Bảng tự kiểm tra; bảng kiểm tra chéo; bảng kiểm tra của Sở Y tế; bảng phúc tra (nếu có).

- Biên bản tự kiểm tra; biên bản kiểm tra chéo; biên bản kiểm tra của Sở Y tế; biên bản phúc tra (nếu có).

- Các phụ lục kèm theo (nếu có).

Hồ sơ được gửi bằng 2 đường:

- Qua đường công văn về Cục Phòng, chống HIV/AIDS, 135/3 phố Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội.

- Bản mềm gửi qua hộp thư điện tử: vanphongvaac@gmail.com.

8. Tiêu chuẩn xếp loại cho công tác triển khai các hoạt động:

| Xuất sắc | Tốt | Khá | Trung bình | Yếu |
|-------------|-------------|---------------|---------------|-------|
| $\geq 95\%$ | $\geq 90\%$ | 75% đến < 90% | 65% đến < 75% | < 65% |

9. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế:

- Kết quả kiểm tra cuối năm: Trung tâm đạt $\geq 95\%$ cho công tác triển khai các hoạt động.

- Báo cáo kết quả kiểm tra của Trung tâm và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng năm đúng thời gian và đủ hồ sơ cần thiết theo quy định.

- Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo nhưng kết luận không có sai sót (tính từ 1/10 của năm trước đến thời điểm kiểm tra của năm).

10. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng năm 201....:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (có xác nhận của Sở Y tế).

b) Báo cáo thành tích theo mẫu quy định của Bộ Y tế (có xác nhận của Sở Y tế).

c) Biên bản tự kiểm tra.

d) Biên bản kiểm tra của Sở Y tế.

đ) Biên bản kiểm tra chéo.

e) Biên bản phúc tra (nếu có).

Hồ sơ gửi về Cục Phòng, chống HIV/AIDS chậm nhất trước ngày 20/12/201...

(lưu ý: việc nộp hồ sơ kết quả kiểm tra Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và hồ sơ đề nghị xét khen thưởng là 2 nội dung riêng biệt. Các hồ sơ đề nghị xét khen thưởng phải được tập hợp trong một hồ sơ riêng để tiện theo dõi và tránh thất lạc).

Trong quá trình thực hiện kiểm tra và chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Văn phòng Cục, Cục Phòng, chống HIV/AIDS số máy 04 3 736 7129 để được giải đáp.

PHỤ LỤC 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KẾT QUẢ KIỂM TRA TRUNG TÂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS
TỈNH/ THÀNH PHỐ NĂM 201..

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 201.....

Tên đơn vị được kiểm tra:.....

Thành phần đoàn kiểm tra gồm có.....người.....

Trưởng đoàn (ghi họ tên, chức vụ):.....

.....

Thư ký (ghi họ tên, chức vụ):.....

.....

Các thành viên:

.....

.....

.....

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1.1 Phần A (đánh giá sự đầy đủ và chính xác của thông tin):.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phần B: Tóm tắt điểm kiểm tra

| Nội dung kiểm tra | Điểm chuẩn (1) | Điểm Tự chấm (2) | | Điểm kiểm tra (3) | |
|---|-------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) |
| Cơ sở vật chất và trang thiết bị | | | | | |
| Tổ chức cán bộ | | | | | |
| Công tác kế hoạch – tài chính | | | | | |
| Công tác tư vấn xét nghiệm và đảm bảo chất lượng xét nghiệm | | | | | |
| Công tác can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV | | | | | |
| Công tác điều trị, chăm sóc HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con | | | | | |
| Công tác thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS | | | | | |
| Công tác giám sát | | | | | |
| Các hoạt động khác | | | | | |
| Cộng: | | | | | |

* **Điểm chuẩn** = Tổng điểm tối đa của bảng kiểm - Điểm của những mục không phải thực hiện theo nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

II. NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

2.1. Ưu điểm chính:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.2. Tồn tại chính:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.3. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**T/M. Đơn vị được
kiểm tra**
(Ký tên, đóng dấu)

**T/M. Đoàn kiểm tra
Trưởng đoàn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thư ký
đoàn kiểm tra**
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KẾT QUẢ PHÚC TRA TRUNG TÂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS
TỈNH/ THÀNH PHỐ NĂM 201...

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 201.....

Tên đơn vị được phúc tra:.....

Thành phần đoàn phúc tra gồm có.....người.....

Trưởng đoàn (ghi họ tên, chức vụ):.....

.....

Thư ký (ghi họ tên, chức vụ):.....

.....

Các thành viên:

.....

.....

.....

.....

I. KẾT QUẢ PHÚC TRA:

1.1. Phần A (đánh giá sự đầy đủ và chính xác của thông tin):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Phần B: Tóm tắt điểm phúc tra

| Nội dung kiểm tra | Điểm chuẩn (1) | Điểm tự chấm (2) | | Điểm chấm chéo (3) | | Điểm chấm của Sở Y tế (4) | | Điểm phúc tra (5) | |
|--|-------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| | | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) | Số điểm | Tỷ lệ % so với (1) |
| Cơ sở vật chất và trang thiết bị | | | | | | | | | |
| Tổ chức cán bộ | | | | | | | | | |
| Công tác kế hoạch – tài chính | | | | | | | | | |
| Công tác tư vấn xét nghiệm và đảm bảo chất lượng xét nghiệm | | | | | | | | | |
| Công tác can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV | | | | | | | | | |
| Công tác điều trị, chăm sóc HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con | | | | | | | | | |
| Công tác thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS | | | | | | | | | |
| Công tác giám sát | | | | | | | | | |
| Các hoạt động khác | | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | | |

* **Điểm chuẩn** = Tổng điểm tối đa của bảng kiểm - Điểm của những mục không phải thực hiện theo nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

II. NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN PHÚC TRA:

2.1. Ưu điểm chính:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.2. Tồn tại chính:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.3. Ý kiến của đơn vị được phúc tra:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**T/M. Đơn vị được
phúc tra**
(Ký tên, đóng dấu)

**T/M. Đoàn phúc tra
Trưởng đoàn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thư ký
đoàn phúc tra**
(Ký và ghi rõ họ tên)